

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH H**

Bản án số: 26/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 05/5/2023.
(V/v Xin ly hôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
K, ngày 05 tháng 5 năm 2022.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K

TH3nh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

****/ Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Thu H1

****/ Hội thẩm nhân dân:*** Ông Lê Quang T và bà Lê Thị O.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Trang V – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 05 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2023/TLST-HNGĐ ngày 31/3/2023 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Lò Thị M**, sinh năm 1992; Nơi đăng ký HKTT và trú tại: bản C, xã C, huyện T1, tỉnh S (*Vắng mặt có lý do*).

2. Bị đơn: **Anh Phan Quang T2**, sinh năm 1993; Nơi đăng ký HKTT: thôn K1, xã L, huyện K, tỉnh H. Hiện đang chấp hành án tại Đội 44 B2.6, Phân trại 2, Trại giam N, huyện K2, tỉnh H2.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Cháu Phan Quang Bảo L1, sinh ngày 24/01/2014;
Nguyên quán: Thôn K1, xã L, huyện K, tỉnh H. Nơi đăng ký HKTT và trú tại: Bản C, xã C, huyện T1, tỉnh S.

3.2. Cháu Phan Thị Hoàng H3, sinh ngày 17/3/2015; Nguyên quán: thôn K1, xã L, huyện K, tỉnh H; Nơi đăng ký HKTT và trú tại: bản C, xã C, huyện T1, tỉnh S.

4. Những người làm chứng:

4.1. Ông Lò Văn T3, sinh năm 1967; Đăng ký HKTT và trú tại: Bản C, xã C, huyện T1, tỉnh S.

4.2. Ông Phan Quang Đ, sinh năm 1962; Đăng ký HKTT và trú tại: Thôn K1, xã L, huyện K, tỉnh H.

(*Tất cả đều vắng mặt có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn ngày 31/01/2023, Bản tự khai, và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên toà nguyên đơn chị Lò Thị M trình bày: Chị M kết hôn với anh Phan

Quang T2, sinh năm 1993 là người ở thôn K1, xã L, huyện K, tỉnh H trên cơ sở hai bên đều tự nguyện và có làm thủ tục đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã L vào ngày 11/4/2013. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường nhưng đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm lối sống. Anh T2 là người vũ phu, nóng tính, có lần còn đánh đập chị M gây tay phải đi mổ đóng đinh, hiện tại vẫn chưa tháo được đinh. Sau đó, do không chịu được người chồng bạo lực nên chị M đã mang theo hai con bỏ lên nhà bố mẹ đẻ trên S sinh sống từ khoảng năm 2017 cho đến nay, nên thời gian ly thân với anh T2 đến nay đã được khoảng 07 năm. Anh T2 cũng có lần lên gọi chị M về đoàn tụ nhưng chị M kiên quyết không về vì ngoài tính vũ phu anh T2 còn không tú chí làm ăn, chơi bời, nêu lông... Chính vì thế mà năm 2017, anh T2 đã thực hiện hành vi “Cướp tài sản” nên đã bị Tòa án nhân dân huyện K xét xử với mức án 09 (chín) năm tù, hiện anh T2 đang chấp hành án tại đội 44 B2.6, Phân trại 2, Trại giam N, huyện K2, tỉnh H2. Chị M xác định chung sống với anh T2 không có tương lai, tình cảm vợ chồng cũng không còn nên xin ly hôn với anh T2 để ổn định cuộc sống.

Tại bản tự khai ngày 07/4/2023, bị đơn anh Phan Quang T2 trình bày: Có quan điểm thống nhất với chị M về thời điểm kết hôn, tình trạng hôn nhân, diễn biến, mâu thuẫn cũng như thời gian sống ly thân. Chị M xin ly hôn, anh T2 hoàn toàn nhất trí. Do anh T2 hiện đang chấp hành án phạt tù nên không thể tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như phiên tòa xét xử vụ án nên anh T2 đề nghị Tòa án nhân dân huyện K giải quyết và xét xử vụ án ly hôn giữa anh và chị M vắng mặt anh T2 theo quy định của pháp luật, anh T2 không có ý kiến gì.

Về con chung: Chị M và anh T2 khẳng định vợ chồng có 02 con chung là cháu Phan Quang Bảo L1, sinh ngày 24/01/2014 và cháu Phan Thị Hoàng H3, sinh ngày 17/3/2015. Chị M xin được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cho cả hai cháu L1 và H3 cho đến khi các cháu khôn lớn, trưởng thành (đủ 18 tuổi) và được anh T2 cũng nhất trí. Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc đóng góp phí tổn nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung, về đất canh tác nông nghiệp 03, công sức đóng góp với gia đình hai bên nội ngoại: Chị M và anh T2 khẳng định không có gì liên quan, không đề nghị Tòa án đặt ra giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Phan Quang Bảo L1 và cháu Phan Thị Hoàng H3 trình bày: Thừa nhận tình trạng hôn nhân của bố mẹ các cháu, cuộc sống của các cháu như chị M và anh T2 trình bày là đúng. Nếu chị M và anh T2 ly hôn nhau thì cháu L1 và cháu H3 đều xin được ở với chị M.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn chị Lò Thị M và bị đơn anh Phan Quang T2 đều có đơn xin xét xử vắng mặt; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là cháu Phan Quang Bảo L1 và cháu Phan Thị Hoàng H3 đều có quan điểm xin được vắng mặt tại phiên tòa; Những

người làm chứng đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng đều có quan điểm xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:* Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật. Hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục, đảm bảo khách quan. HĐXX không thuộc trường hợp phải thay đổi, thủ tục tố tụng tại phiên tòa đảm bảo đúng quy định. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật.

- *Về đường lối giải quyết vụ án:* Đề nghị áp dụng Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 229 của BLTTDS; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị M; Giao cháu Phan Quang Bảo L1, sinh ngày 24/01/2014 và cháu Phan Thị Hoàng H3, sinh ngày 17/3/2015 cho chị M được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu L1, cháu H3 trưởng thành (đủ 18 tuổi); Việc cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác và công sức đóng góp với hai bên gia đình: Chị M và anh T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này; Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. *Về tố tụng:* Chị Lò Thị M có đơn đề nghị TAND huyện K giải quyết ly hôn cho chị và anh Phan Quang T2 là người ở thôn K1, xã L, huyện K, tỉnh H. Căn cứ quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K.

Chị M, anh T2, cháu L1 và cháu H3 đều có quan điểm xin vắng mặt tại phiên tòa; Những người làm chứng là ông Lò Văn T3 và ông Phan Quang Đ đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và đã có quan điểm xin được giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 229 của BLTTDS.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị M kết hôn với anh T2 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L vào ngày 11/4/2013 là hoàn toàn hợp pháp, đã xác lập quan hệ vợ chồng được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, trong quá trình

chung sống vợ chồng đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm lối sống. Mặt khác, anh T2 là người chồng vũ phu đánh đập chị M dẫn đến gãy tay phải đóng đinh cố định. Không chỉ có vậy anh T2 còn vi phạm pháp luật hình sự và đang phải chấp H3nh bản án 09 năm tù về tội “Cướp tài sản”. Chị M xác định đời sống hôn nhân của chị và anh T2 không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không Đ được, vì vậy chị M làm đơn xin ly hôn với anh T2 để ổn định cuộc sống. Anh T2 cũng xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị M nên chị M xin ly hôn anh T2 hoàn toàn nhất trí để giải phóng cho chị M.

Theo xác minh tại cơ sở thôn K1 - xã L, Ban tư pháp xã L và những người thân trong gia đình của chị M, anh T2 thì thấy rằng, quá trình chung sống vợ chồng chị M, anh T2 đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Những mâu thuẫn này đã được người thân gia đình động viên, hòa giải nhưng không có kết quả. Chị M và anh T2 đã ly thân nhau từ khoảng năm 2017 cho đến nay đã được 07 năm không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nay cả chị M và anh T2 đều không mong muốn đoàn tụ và đều có nguyện vọng được ly hôn nhau để bắt đầu cuộc sống mới. Từ những căn cứ nêu trên chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh T2 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ được, chị M xin ly hôn, anh T2 hoàn toàn nhất trí. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị M là có căn cứ, phù hợp với Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: Hội đồng xét xử xét nguyện vọng của chị M, anh T2, cháu L1 và cháu H3 thì thấy rằng: Trên thực tế cháu Phan Quang Bảo L1 và cháu Phan Thị Hoàng H3 đã và đang sống với chị M ổn định, được chị M chăm sóc chu đáo, bản thân cháu L1 và cháu H3 đều có nguyện vọng xin được sống cùng chị M. Mặt khác, anh T2 đang phải chấp hành án phạt tù và cũng nhất trí để chị M được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu L1 và cháu H3 cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Vì vậy, cần giao cháu L1 và cháu H3 cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu L1, cháu H3 trưởng thành (đủ 18 tuổi) thì sẽ đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của con chung, phù hợp với nguyện vọng của chị M, anh T2, cháu L1 và cháu H3 đồng thời cũng phù hợp Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết vì chị M và anh T2 không yêu cầu; Sau khi ly hôn anh T2 có quyền thăm nom con chung của mình theo Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4]. Về tài sản chung, công nợ chung, cấp dưỡng nuôi con chung, đất canh tác nông nghiệp 03; công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình nội ngoại: Chị M và anh T2 đều không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết trong vụ án này nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Căn cứ theo khoản 4 Điều 147 của BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp

quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), đối trừ với số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị M đã nộp tại biên lai thu số 0008109 ngày 31/01/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K nên chị M đã thi hành xong án phí của mình.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Áp dụng: Khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 229 của BLTTDS; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị M được ly hôn với anh Phan Quang T2.

[3]. Về con chung: Giao Phan Quang Bảo L1, sinh ngày 24/01/2014 và cháu Phan Thị Hoàng H3, sinh ngày 17/3/2015 cho chị Lò Thị M tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu L1, cháu H3 trưởng thành (đủ 18 tuổi). Việc đóng góp phí tổn nuôi con chung không đặt ra giải quyết.

Sau khi ly hôn anh T2 có quyền thăm nom con chung của mình theo quy định của pháp luật.

[4]. Về án phí: Chị Lò Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm chị M đã nộp tại biên lai thu số 0008109 ngày 31/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K nên chị M đã thi hành xong án phí của mình.

[5]. Về quyền kháng cáo: Ân xử công khai sơ thẩm vắng mặt tất cả các đương sự. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại địa phương nơi thường trú./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nơi nhận:

- VKSND huyện K;
- CA huyện K;
- Bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- UBND xã L;
- Phòng kiểm tra - TAND tỉnh;
- Chi cục thi hành án huyện K/C;
- Lưu HSVA.

Nguyễn Thị Thu H1